TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN W** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 8 - 2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYÊNH W TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024; về việc "*Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Sơn Thị Chanh Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khóm Q, Phường E, thị xã R, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Kim S, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/04/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Sơn Thị Chanh Đ trình bày: Nguyên năm 2023, bà Sơn Thị Chanh Đ với ông Kim S xác lập quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn và được UBND Phường E, thị xã R, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 15/02/2023. Sau đám cưới bà Sơn Thị Chanh Đ cùng ông Kim S sinh sống tại nhà cha mẹ ông Kim S sau đó ra ở riêng. Trong quá trình chung sống ông bà chưa có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người

khác nợ vợ chồng. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cải vã và bất đồng trong cuộc sống nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay.

Nay bà Sơn Thị Chanh Đ nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Chanh Đ xin được ly hôn với ông Kim S.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Kim S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án só 138/2024/TB-TLVA ngày 25/4/2024 và Thông báo (Về việc yêu cầu đương sự tự khai và cung cấp chứng cứ) số 63/2024/TB-TLVA ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng (nhận ngày 25/4/2024) nên ông Kim S cũng đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề bà Sơn Thị Chanh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng ông Kim S không có văn bản trả lời theo Toà án ấn định. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật về tố tụng, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] <u>Về tố tụng</u>:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Sơn Thị Chanh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Kim S; con chung, tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Kim S cư trú tại ấp T, xã Y, huyện W, tỉnh Sóc

Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Toà án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Sơn Thị Chanh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Kim S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Nguyên đơn Sơn Thị Chanh Đ và bị đơn Kim S chung sống và kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND Phường E, thị xã R, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 15/02/2023, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Sơn Thị Chanh Đ với ông Kim S là hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc nhưng chưa có con chung, theo bà Sơn Thị Chanh Đ trong thời gian chung sống sau này vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cải vã và bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân lạnh nhạt, không còn chung sống vợ chồng từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Bị đơn Kim S tuy không có ý kiến và không tham gia tố tụng nhưng biết về nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn mà không phản đối.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình "*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*" và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Do đó, bà Sơn Thị Chanh Đ hoặc bà Sơn Thị Chanh Đ cùng ông Kim S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 23/04/2024 bà Sơn Thị Chanh Đ tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Kim S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn Sơn Thị Chanh Đ thì trong thời gian chung sống sau này vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cải vã và bất đồng trong cuộc sống, ông Kim S không quan tâm, chăm lo cho nên đời sống hôn nhân lạnh nhạt, không còn chung sống vợ chồng từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, thời gian bà Sơn Thị Chanh Đ và ông Kim S không còn chung sống vợ chồng tính đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm là không dài, nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trong thời gian chung sống và cũng đã kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên, nay bà Sơn Thị Chanh Đ cương quyết ly hôn với ông Kim S. Do đó, theo bà Sơn Thị Chanh Đ yêu cầu xin được ly hôn với ông Kim S là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp.

[4] Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo bà Sơn Thị Chanh Đ xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh và tranh chấp thì sẽ khởi kiện, giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[7] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Chanh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý cho bà Sơn Thị Chanh Đ và ông Kim S được ly hôn.

- Về con chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo bà Sơn Thị Chanh Đ không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Sơn Thị Chanh Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004644 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện

W, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Sơn Thị Chanh Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020 và 2022) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020 và 2022), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện W;
- THADS huyện W;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi

.